

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/DS-PT
Ngày 30/11/2022
V/v tranh chấp Hợp đồng liên
doanh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Tuệ

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng liên doanh*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2022/QĐ-PT ngày 22/11/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu tập thể N, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ánh H, luật sư thuộc đoàn luật sư thành phố H, Công ty Luật TNHH Gia Đức M, địa chỉ phố X, phường P, quận Đ, thành phố H, vắng mặt;

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần b (viết tắt là Công ty b); địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Kim K – chức vụ: Giám đốc Công ty b, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Bế Quang H – Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn, địa chỉ đường C, khối 4, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Tô Đức N; địa chỉ: Đường M, phường T, quận B, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Quốc K là nguyên đơn và Công ty b Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Kim K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: *Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, đầu tháng 7 năm 2013 bà Phạm Thị Kim K-Giám đốc Công ty b nói với ông là đang thực hiện dự án san lấp mặt bằng nhà máy nhiệt điện Hong sa lichnay Hongsa 3x600w Poweerplant project tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, khối lượng san lấp là 50.000.000m³, Công ty b Lạng Sơn đã ký Hợp đồng với bên Lào hôm 28/6/2013 và nói rằng do thiếu vốn đầu tư nên rủ ông làm cùng. Tổng vốn góp để thực hiện công việc san lấp mặt bằng Nhà máy nhiệt điện Hong sa lichnay Hongsa 3x600w Poweerplant project tại CHDCND Lào, khối lượng san lấp là 10.000.000m³ theo bà Phạm Thị Kim K nói là 100.000USD (một trăm nghìn đô la Mỹ), ông Nguyễn Quốc K góp 50%, Công ty b Lạng Sơn góp 50% và lợi nhuận được hưởng theo tỉ lệ vốn góp.

Ngày 02/7/2013 ông Nguyễn Quốc K và Công ty b ký Hợp đồng liên doanh, theo đó ông Nguyễn Quốc K đã nộp vào Công ty b số tiền 1.074.251.000 đồng, theo phiếu thu tiền số 70 ngày 02/07/2013. Trước và trong Hợp đồng liên doanh này, Công ty b đều nói rõ, nếu trong thời gian 60 ngày kể từ ngày kí hợp đồng liên doanh mà không thực hiện được, Công ty b sẽ hoàn trả ông Nguyễn Quốc K 100% số tiền ông Nguyễn Quốc K nộp vào Công ty b. Tuy nhiên đến nay đã gần 08 năm trôi qua, Công ty b không biết đã sử dụng tiền góp vốn của ông vào mục đích gì mà tiền lãi ông Nguyễn Quốc K không được nhận, tiền gốc cũng không hoàn trả cho ông. Việc thực tế Công ty b Lạng Sơn thực hiện công việc với Công ty bên Lào như thế nào ông không biết. Ông cũng không biết lý do vì sao Công ty b Lạng Sơn không thực hiện được hợp đồng. Ông liên tục yêu cầu trả tiền thì Công ty b đã trả cho ông được số tiền là 250.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 26/04/2014 trả cho ông Nguyễn Quốc K số tiền: 50.000.000 đồng. Ngày 11/09/2014 trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 09/02/2015 trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền gốc Công ty b còn nợ ông Nguyễn Quốc K là 824.251.000 đồng.

Nay ông Nguyễn Quốc K khởi kiện yêu cầu Công ty b trả cho ông Nguyễn Quốc K tổng cộng 1.422.423.870 đồng. Trong đó tiền gốc là 824.251.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 02/7/2013 đến ngày 30/11/2021 là 598.162.870 đồng. Ông yêu cầu trả cả gốc và lãi vì sau khi ký hợp đồng 60 ngày công ty không trả lại được tiền cho ông, đây là tiền ông đi vay mượn.

- *Bị đơn Công ty cổ phần b, người đại diện bà Phạm Thị Kim K trình bày:*

Sau khi Công ty b ký kết hợp đồng với Công ty KLV bên Lào thì Công ty b mới gặp ông Nguyễn Quốc K. Khi ký kết hợp đồng với Công ty bên Lào, Công ty b tin tưởng hợp đồng sẽ thực hiện được vì Công ty bên Lào cho Công ty

b Lạng Sơn giữ 01 tấm séc 280.000 USD mà Công ty b đã nộp cho họ, cụ thể: 01/6/2013 nộp 80.000 USD; ngày 28/6/2013 nộp tiếp 150.000 USD; ngày 04/7/2013 nộp 50.000 USD (là tiền của ông Nguyễn Quốc K nộp cho Công ty b). Toàn bộ số tiền 280.000 USD Công ty b Lạng Sơn đã nộp cho ông Khăm Xau, họ viết cho Công ty b 01 tờ séc trị giá 280.000 USD. Bà Phạm Thị Kim K giám đốc Công ty b đã cho ông Nguyễn Quốc K xem hợp đồng, xem tấm séc thì ông Nguyễn Quốc K mới đề nghị cho ông góp vốn 50.000 USD. Trong vòng 60 ngày sau khi ký kết hợp đồng vẫn rất khả thi, nên ông Nguyễn Quốc K khi đó không hề đòi tiền lại.

Sau khi đưa tiền cho công ty KLV, ngày 23/8/2013 Công ty KLV có hợp với các công ty của Việt Nam trong đó có Công ty b Lạng Sơn, với nội dung là ngày 07/9/2013 sẽ tạm ứng tiền mua ô tô để san lấp công trình. Đến ngày 07/9/2013, Công ty b không nhận được tiền của KLV, ngày 13/9/2013 bên KLV trả lời bằng công văn nêu lý do về việc chậm tạm ứng tiền thi công công trình, hẹn việc thi công sẽ làm vào cuối tháng 10/2013. Ngày 16/10/2013, bên KLV hợp với các nhà thầu Việt Nam trong đó có Công ty b và bảo đến ngày 31/10/2013 sẽ được tạm ứng tiền. Các công ty của Việt Nam yêu cầu bên KLV đến ngày 31/10/2013, nếu công ty KLV không có tiền tạm ứng thì bên Việt Nam yêu cầu thanh lý hợp đồng và trả lại tiền cọc cho bên Việt Nam. Sau đó do không liên lạc được với ông Sỹ La và ông Vân La Chít là lãnh đạo Công ty KLV, nên các công ty Việt Nam biết đã bị lừa nên mới làm đơn khởi kiện công ty KLV, việc khởi kiện do ông Tô Đức N là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty bất động sản H làm đại diện đòi bồi thường 780.000 USD (trong đó vốn của Công ty bất động sản H và Công ty bãi C là 500.000 USD, Công ty b là 280.000 USD).

Đến 10/8/2016, Tại Bản án của Tòa án nhân dân Lào, đã quyết định ông Sỹ La và ông Vân La Chít, bị tù vì tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, làm giả séc và phải bồi thường cho ông Tô Đức N tổng số tiền 680.000 USD. Còn số tiền 120.000 USD thì đề nghị nguyên đơn khởi kiện ông Khăm Xau. Ba Công ty của Việt Nam thỏa thuận sau khi được bồi thường ba Công ty sẽ tự chia nhau. Tuy nhiên, do việc khởi kiện ở Lào gặp nhiều khó khăn, tốn kém nên các Công ty của Việt Nam không tiếp tục khởi kiện Khăm Xau nữa. Do đó hợp đồng liên doanh giữa Công ty b và ông Nguyễn Quốc K cũng không thực hiện. Mặc dù đến nay ông Vô La C và ông S đã bị xử lý, nhưng Công ty b Lạng Sơn vẫn chưa được bồi thường một đồng nào. Quá trình Công ty b khởi kiện bên Lào thì ông Nguyễn Quốc K có biết và còn cho Công ty b số điện thoại của Luật sư để liên hệ làm việc. Khi Tòa án Lào xét xử phía Công ty b có được rủ ông Nguyễn Quốc K đi tham gia nhưng ông Nguyễn Quốc K không đi. Ông Nguyễn Quốc K đã nhiều lần đòi Công ty b trả lại 50.000 USD đã góp vốn, tuy nhiên Công ty b đã trả lời với ông Nguyễn Quốc K là góp vốn làm ăn thì lời ăn, lỗ cùng chịu, nay bị lừa tiền, bên Công ty b cũng chịu tổn thất lớn. Bà Phạm Thị Kim K đã trả cho ông Nguyễn Quốc K tổng cộng là 250.000.000 đồng.

Nay ông Nguyễn Quốc K khởi kiện Công ty b yêu cầu trả 1.422.423.870 đồng. Trong đó tiền gốc là 824.251.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 02/7/2013

đến ngày 30/11/2021 là 598.162.870 đồng, Công ty b không chấp nhận vì đây là Hợp đồng hợp tác kinh doanh, lời cùng ăn, lỗ cùng chịu.

* *Người làm chứng ông Tô Đức N trình bày:* Ông là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần bất động sản H, ông biết bà Phạm Thị Kim K, Giám đốc Công ty b do hai công ty đều là đơn vị nhà thầu của Công ty xây dựng cầu đường KLV- doanh nghiệp nước Lào (Công ty KLV), hai công ty có chung một dự án san lấp mặt bằng xây dựng nhà máy nhiệt điện tại Hongsa tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Ngày 24 tháng 6 năm 2013, Công ty cổ phần bất động sản H ký kết Hợp đồng với Công ty KLV. Hợp đồng giữa Công ty bất động sản H và Công ty KLV không thực hiện được là do Công ty KLV không có nguồn tiền để trả theo Hợp đồng. Ông biết việc Công ty b ký hợp đồng với Công ty KLV. Ông được chứng kiến hai lần bà Phạm Thị Kim K là giám đốc của Công ty b nộp tiền cho Công ty KLV, cụ thể là ngày 28/6/2013, buổi sáng nộp 100.000 USD và buổi chiều nộp 50.000 USD và ngày 04/7/2013, bà Phạm Thị Kim K nộp cho công ty KLV 50.000 USD. Bà Phạm Thị Kim K có nhờ ông chụp ảnh việc nộp tiền nên ông biết. Những lần khác ông không có mặt nên ông không biết. Ông được biết tổng số tiền bà Phạm Thị Kim K đã nộp cho công ty KLV là 280.000 USD vì cùng lúc Công ty KLV trao séc cho Công ty ông và trao cả séc cho Công ty b. Tờ séc của bà Phạm Thị Kim K được cầm có ghi giá trị là 280.000 USD (Số tiền nộp cho công ty KLV bao nhiêu thì họ viết trả cho ông và bà K tờ séc có giá trị đúng bằng số tiền đã nộp). Trong quá trình khởi kiện Công ty KLV ở bên Lào thì Công ty của ông phối hợp với Công ty b để cùng khởi kiện và cung cấp hồ sơ, chứng cứ cho Công an Lào. Do Công ty b có ít bạn bè người thân ở Lào, các mối quan hệ không nhiều, lại không nói được tiếng Lào nên đã đồng ý để ông làm đại diện nguyên đơn để khởi kiện. Khi xảy ra sự việc thì ông không thấy ông Nguyễn Quốc K cùng tham gia đi đòi tiền hoặc cùng tham gia khởi kiện. Tòa án nhân dân thành phố Viêng Chăn Lào thụ lý và đã được đem ra xét xử sơ thẩm ngày 10/8/2016. Tòa án đã buộc ông VoLaC (KLV) và ông S bồi thường cho Công ty ông và Công ty b tổng số tiền 680.000 USD, Tòa không tách riêng cụ thể mà số tiền 680.000 USD nếu đòi được thì hai công ty sẽ tự chia nhau theo tỷ lệ thực thiệt hại của các bên. Số tiền 120.000 USD còn lại là trách nhiệm của ông Khăm X phải trả và phải kiện ông Khăm X theo một vụ kiện riêng, thời điểm đó ông Khăm X đang lẩn trốn. Sau khi có bản án thì ông và Công ty b có nhờ cơ quan thi hành án đòi tiền nhưng các đối tượng đã tẩu tán tài sản và đứng tên người khác. Do vậy đến nay Công ty của ông và Công ty b Lạng Sơn vẫn chưa đòi được đồng nào. Về việc ông Nguyễn Quốc K khởi kiện Công ty b đòi lại số vốn đã góp là 1.074.251.000 đồng theo ông là không hợp lý vì đã góp vốn liên doanh cùng nhau thì lời cùng chia mà lỗ cũng phải cùng chịu.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 227, 229; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 504; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc K, cụ thể:

+ Buộc Công ty cổ phần b trả cho ông Nguyễn Quốc K một phần tiền góp vốn là 287.125.500 (hai trăm tám mươi bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm) đồng theo Hợp đồng liên doanh ngày 02/7/2013 được ký kết giữa ông Nguyễn Quốc K và Công ty cổ phần b.

+ Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Quốc K về việc yêu cầu Công ty cổ phần b trả số tiền gốc và lãi là 1.137.125.500 (một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi xuất chậm trả tại thời điểm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ vụ án, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Bị đơn Công ty cổ phần b, có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm, sửa một phần Bản án sơ thẩm, tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền 287.125.000 đồng theo Hợp đồng liên doanh ngày 02/7/2013.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không có lý do. Nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vì nguyên đơn đã từ chối người bảo vệ và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Yêu cầu Công ty b Lạng Sơn trả số tiền gốc và lãi là 1.424.250.000 đồng (một tỷ, bốn trăm hai bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 824.251.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 02/7/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm là 600.000.000 đồng.

Bi đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền 287.125.000 đồng theo Hợp đồng liên doanh ngày 02/7/2013. Tại phiên tòa sau khi được Hội đồng xét xử phân tích, giải thích. Bị đơn có thiện trí nhất trí trả thêm cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng nữa, tổng cộng là 450.000.000 đồng, nếu nguyên đơn chấp nhận, bị đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Nếu nguyên đơn không chấp nhận, đề nghị Hội đồng xem xét giải quyết theo pháp luật.

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K không chấp nhận và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới phục vụ cho việc kháng cáo của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Công ty b Lạng Sơn đề nghị nếu ông Nguyễn Quốc K đồng ý thì phía Công ty b Lạng Sơn tự nguyện thanh toán cho ông Nguyễn Quốc K số tiền 200.000.000 đồng để giải quyết dứt điểm tranh chấp và kết thúc hợp đồng liên doanh ngày 02/7/2013 giữa hai bên, nhưng nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K không nhất trí nên không có cơ sở để công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự. Căn cứ quy định tại Điều 504 của Bộ luật Dân sự thì "hợp đồng hợp tác là sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm". Vì vậy, ông Nguyễn Quốc K cũng phải chịu phần thiệt hại trong rủi ro kinh doanh tương ứng với tỉ lệ góp vốn là hợp tình, hợp lý đúng với tính chất của hợp đồng liên doanh là cùng hưởng lợi khi có lợi nhuận và cùng chịu trách nhiệm khi thua lỗ, rủi ro khách quan. Do đó bản án sơ thẩm cho rằng mỗi bên phải chịu thiệt hại 50% của số tiền 1.074.251.000 đồng mà ông K đã đóng góp cho Công ty b, trong đó ông K và Công ty b mỗi bên phải chịu thiệt hại là 537.125.500 đồng là chưa phù hợp với nguyên tắc của Hợp đồng hợp tác là cùng nhau chịu rủi ro. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty b Lạng Sơn về việc Công ty b không có trách nhiệm thanh toán cho ông K số tiền 287.125.500 đồng.

Về nguyên tắc khi đã góp vốn hợp tác thì các bên phải cùng nhau hưởng lãi và cùng nhau chịu lỗ nếu gặp rủi ro. Mặc dù điều khoản hợp đồng chỉ nêu về nghĩa vụ của Công ty b phải thanh toán tiền cho ông K trong thời hạn 60 ngày nếu dự án không khả thi hoặc không thực hiện được mà không nêu cụ thể, nhưng trên cơ sở nguyên tắc của hợp đồng hợp tác các bên đều phải chịu thiệt hại nếu có rủi ro xảy ra. Do đó, bản án sơ thẩm xác định ông K và Công ty b mỗi bên phải chịu thiệt hại 50% của số tiền 1.074.251.000 đồng là chưa phù hợp, bất lợi cho Công ty b Lạng Sơn. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông K yêu cầu Công ty b phải thanh toán 600.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 02/7/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K đòi số tiền lãi 600.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy ông Nguyễn Quốc K kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, buộc Công ty b phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền 824.251.000 đồng và tiền lãi phát sinh 600.000.000 đồng là

không có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của Công ty b, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc K, sửa một phần bản án sơ thẩm 18/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc K đối với số tiền 824.251.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/7/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm là 600.000.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không có lý do. Nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vì nguyên đơn đã từ chối người bảo vệ của mình, vắng mặt người làm chứng là ông Tô Đức N, đã có đơn xin xét xử vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại chỗ, đã áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông. Yêu cầu Công ty b Lạng Sơn trả số tiền gốc và lãi là 1.424.250.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 824.251.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 02/7/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm là 600.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng; ngày 02/7/2013 giữa Công ty b và ông Nguyễn Quốc K đã kí kết hợp đồng liên doanh góp vốn với nội dung: Ký kết và thực hiện dự án san lấp mặt bằng Nhà máy nhiệt điện Hong sa tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Khối lượng san lấp là 10.000.000 m³. Thời gian liên doanh là 05 năm được tính từ ngày chủ đầu tư bàn giao mặt bằng cho bên A theo Hợp đồng ký ngày 28/6/2013. Mỗi bên góp 50 % số vốn, dự án san lấp nhà máy nhiệt điện Hongsa mà ông Nguyễn Quốc K kí kết hợp đồng liên doanh góp vốn với Công ty b là 1 phần dự án san lấp nhà máy nhiệt điện Hongsa, theo hợp đồng kinh tế mà Công ty b đã kí kết với công ty KLV của Lào ngày 28/6/2013. Công ty b đã nhận 1.074.251.000 đồng của ông Nguyễn Quốc K, tương đương với số tiền là 50.000 USD. Tuy nhiên, hợp đồng kinh tế mà Công ty b đã kí kết với Công ty KLV của Lào ngày 28/6/2013 không thực hiện được, do bị Công ty KLV phía Lào lừa đảo, nên Công ty b đã trả lại ông Nguyễn Quốc K 250.000.000 đồng. Bản án số 485/PQTA ngày 10/08/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Viêng Chăn, Lào đã khẳng định ông Sỷ La và ông Vôn la chít có hành vi lừa đảo Công ty b. Bà Phạm Thị Kim K không có mục đích chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Quốc K. Hiện nay Công ty b chưa đòi được tiền từ ông Sỷ La và ông Vôn la chít. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Theo quy định tại Điều 504 của Bộ luật

Dân sự thì "hợp đồng hợp tác là sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm". Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Công ty b Lạng Sơn đề nghị nếu ông Nguyễn Quốc K đồng ý thì phía Công ty b Lạng Sơn tự nguyện thanh toán thêm cho ông Nguyễn Quốc K số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) để giải quyết dứt điểm tranh chấp và kết thúc hợp đồng liên doanh ngày 02/7/2013 giữa hai bên, nhưng nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K không nhất trí nên không có cơ sở để công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

[3] Ông Nguyễn Quốc K ký kết Hợp đồng liên doanh với Công ty b là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, trong Hợp đồng cũng ghi điều khoản phân chia lợi nhuận nếu như Công ty b làm ăn có lãi, không quy định việc ông Nguyễn Quốc K cũng phải chịu thiệt hại trong trường hợp Công ty b phải chịu rủi ro trong quá trình kinh doanh. Tuy nhiên, việc Công ty b bị các đối tượng bên Lào lừa đảo chiếm đoạt số tiền 280.000 USD dẫn đến không thực hiện được dự án san lấp nhà máy nhiệt điện Hongsa là có thật, đã được xét xử bằng bản án có hiệu lực của Lào. Do vậy Hợp đồng liên doanh kí kết ngày 02/7/2013 giữa Công ty b và ông Nguyễn Quốc K cũng không thực hiện được. Việc không thực hiện được hợp đồng liên doanh ngày 02/7/2013 là khách quan, ngoài ý muốn của các bên, là rủi ro trong kinh doanh. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng khi Công ty b gặp rủi ro khách quan, ngoài ý muốn dẫn đến mất toàn bộ số vốn mà các bên đã góp trong quá trình kinh doanh (*tính đến nay Công ty b cũng chưa thu hồi lại được một đồng vốn nào từ bên nước Lào*). Bởi vậy, ông Nguyễn Quốc K cũng phải chịu một phần thiệt hại trong rủi ro kinh doanh tương ứng với tỉ lệ góp vốn là hợp tình, hợp lý đúng với tính chất của hợp đồng liên doanh là cùng hưởng lợi khi có lợi nhuận và cùng chịu trách nhiệm khi thua lỗ, rủi ro khách quan. Mặt khác, Công ty b trong quá trình khởi kiện và giải quyết ở bên Lào, nhằm đòi lại số tiền 280.000 USD, trong đó có cả 1.074.251.000 VNĐ đồng (tương ứng với 50.000 USD) tiền góp của ông Nguyễn Quốc K cũng phải mất chi phí, trong quá trình khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án ở bên Lào, ông Nguyễn Quốc K không tham gia. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và quyết định: Ông Nguyễn Quốc K và Công ty b có tỉ lệ góp vốn là 50/50, do vậy khi rủi ro thực tế xảy ra, hợp đồng không thực hiện được, dự án san lấp nhà máy nhiệt điện Hongsa không thành thì ông Nguyễn Quốc K cũng phải chịu rủi ro bằng 50 % của số tiền 1.074.251.000 VNĐ đồng đã góp vào Công ty b, ($1.074.251.000 : 2 = 537.125.500$ đồng). Công ty b đã trả cho ông Nguyễn Quốc K số tiền 250.000.000 đồng. Buộc Công ty b có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Quốc K một phần số tiền góp vốn là 287.125.500 đồng là phù hợp và có căn cứ. Từ những phân tích trên, kháng cáo của ông Nguyễn Quốc K, yêu cầu Công ty b Lạng Sơn trả số tiền gốc là 824.251.000 đồng, không được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 02/7/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm là 600.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng; Công ty b đã bị lừa đảo chiếm đoạt toàn bộ số tiền nộp cho Công ty KLV ở bên Lào là 280.000 USD (trong đó có số tiền góp vốn của ông Nguyễn Quốc K là 50.000 USA), dự án san lấp nhà máy nhiệt điện Hongsa không thực hiện được và cũng không sinh

ra lợi nhuận. Đây là rủi ro khách quan trong kinh doanh. Ông Nguyễn Quốc K góp vốn với Công ty b để kinh doanh, không phải cho Công ty b vay tiền. Như đã nhận định tại mục [3] nêu trên; Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Quốc K, vì không có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần b, yêu cầu cấp phúc thẩm, sửa một phần Bản án sơ thẩm, tuyên không chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền 287.125.000đ, theo Hợp đồng liên doanh ngày 02/7/2013. Hội đồng xét xử thấy rằng; ngày 02/7/2013 giữa Công ty b và ông Nguyễn Quốc K đã kí kết hợp đồng liên doanh góp vốn với nội dung: Ký kết và thực hiện dự án san lấp mặt bằng Nhà máy nhiệt điện Hong sa tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Khối lượng san lấp là 10.000.000 m³. Thời gian liên doanh là 05 năm được tính từ ngày chủ đầu tư bàn giao mặt bằng cho bên A theo Hợp đồng ký ngày 28/6/2013. Mỗi bên góp 50 % số vốn, dự án san lấp nhà máy nhiệt điện Hongsa mà Công ty b và ông Nguyễn Quốc K đã kí kết hợp đồng liên doanh góp vốn là 1 phần dự án san lấp nhà máy nhiệt điện Hongsa theo hợp đồng kinh tế mà Công ty b đã kí kết với công ty KLV ngày 28/6/2013. Công ty b đã nhận 1.074.251.000 đồng của ông Nguyễn Quốc K, tương đương với số tiền là 50.000 USD. Mặt khác, như đã nhận định tại mục [3] và mục [4] nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên: Buộc Công ty b có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Quốc K một phần số tiền góp vốn là 287.125.500 đồng là phù hợp và có căn cứ. Bởi vậy, yêu cầu kháng cáo của Công ty b không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì không có căn cứ và không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K và của bị đơn Công ty cổ phần b không được chấp nhận, nên ông Nguyễn Quốc K và Công ty cổ phần b phải chịu án phí phúc thẩm với số tiền 300.000 đồng. Xác nhận đã nộp, theo Biên lai thu tiền của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

[9] Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K và của bị đơn Công ty cổ phần b. Giữ

nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 227, 229; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 504; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc K, cụ thể:

1.1. Buộc Công ty cổ phần b trả cho ông Nguyễn Quốc K một phần tiền góp vốn là 287.125.500 (hai trăm tám mươi bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm) đồng theo Hợp đồng liên doanh ngày 02/7/2013 được ký kết giữa ông Nguyễn Quốc K và Công ty cổ phần b.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.3. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Quốc K về việc yêu cầu Công ty cổ phần b trả số tiền gốc và lãi là 1.137.125.500 (một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Quốc K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 46.113.765 (bốn mươi sáu triệu một trăm mười ba nghìn bảy trăm sáu mươi lăm) đồng. Được khấu trừ vào số tiền ông Nguyễn Quốc K đã nộp tạm ứng án phí là 27.336.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000726 ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Ông Nguyễn Quốc K còn phải nộp tiếp số tiền 18.777.765 (mười tám triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi lăm) đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Công ty cổ phần b phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.356.275 (mười bốn triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi lăm) đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

3. Án phí phúc thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Quốc K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000983 ngày 18/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

3.2. Công ty cổ phần b phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận Công ty đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000975 ngày 15/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADSTP L, t Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đức Chiến